

Bản án số: 169/2021/DS-PT
Ngày 12/10/2021

*“V/v: Tranh chấp thừa kế theo di
chức và theo pháp luật”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phán: Ông **Trương Công Thi**

Các Thẩm phán: Ông **Vũ Thanh Liêm**

Ông **Lê Tự**

Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Tuyết Trinh**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Trần Viết Tuấn** – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số 50/2017/TLPT-DS ngày 24 tháng 4 năm 2017 về việc *“Tranh chấp chia thừa kế theo di chúc và theo pháp luật”*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DSST ngày 17/02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐ-PT ngày 27 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Lê Thị Mai T, sinh năm 1963; Trú tại: số 106 Đường T1, phường T2, quận T3, thành phố Đà Nẵng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị Mai T, Luật sư Nguyễn Thị H thuộc Đoàn luật sư thành phố Đà Nẵng, có mặt

* **Đồng bị đơn:**

1. Ông Lê Đình Th, sinh năm 1961; địa chỉ: Số K92/70 đường Đ, quận T3, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

2. Ông Lê Đình S, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 112/165 Đường T1, phường T2, quận T3, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

3. Bà Lê Thị Bạch T4, sinh năm 1954; địa chỉ: Số 379/44 Đường T1, phường X, quận T3, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

4. Ông Lê Hoài Th1, sinh năm 1968; địa chỉ: Số 106 Đường T1, phường X, quận T3, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lê Hoài Tr, sinh năm 1965; địa chỉ: Số K21/39 Đường O, phường T6, quận H1, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

2. Ông Lê Đình T5, sinh năm 1954; Địa chỉ: Số 01/12/53 phường D3, phường Y, quận B1, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

3. Bà Lê Thị Sơn Tr1, sinh năm 1957; địa chỉ: Số 214 đường T7, quận H1, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông T5 và bà Tr1: Ông Lê Hoài Tr, sinh năm 1965; địa chỉ: Số K21/39 Đường O, phường T6, quận H1, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

4. Ông Lê Đình N, sinh năm 1959; địa chỉ: Novotel Word Trade Central Dubai UAE (Các tiểu vương quốc Ả rập thống nhất). Vắng mặt

5. Bà Lê Thị Bảo C, sinh năm 1975; địa chỉ: Số 107/28 đường T7, phường Y1, quận G, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

6. Bà Lê Thị Bảo N1, sinh năm 1975; địa chỉ: Altenbruckstr.31,40599 Dusseldorf, Germany. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của ông N, bà C và bà N1: Bà Lê Thị Mai T, sinh năm 1963; địa chỉ: Số 106 Đường T1, phường X, quận T3, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

*** Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Lê Thị Mai T và Đồng bị đơn ông Lê Đình Th, bà Lê Thị Bạch T4, ông Lê Hoài Th1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được xác định như sau:**

** Tại đơn khởi kiện ngày 18/6/2012, các đơn trình bày, các bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị Mai T trình bày:*

Cha bà là ông Lê Đình Đ1, sinh năm 1926 chết năm 2003 và mẹ là bà Tôn Nữ Thị B1, sinh năm 1926 chết năm 2011, ông Đ1 và bà B1 có 11 người con là:

1/ Lê Thị Bạch T4, sinh năm 1954;

2/ Lê Đình T8, sinh năm 1954;

3/ Lê Thị Sơn Tr1, sinh năm 1957;

4/ Lê Đình N, sinh năm 1959;

5/ Lê Đình S, sinh năm 1961;

6/ Lê Đình Th, sinh năm 1961;

- 7/Lê Hoài Tr, sinh năm 1965;
- 8/ Lê Hoài Th1, sinh năm 1968;
- 9/ Lê Thị Bảo C, sinh năm 1975;
- 10/ Lê Thị Bảo N1, sinh năm 1975;
- 11/Lê Thị Mai T, sinh năm 1963;

Ngoài ra ông Đ1 bà B1 không có con nuôi hay con riêng nào khác. Sinh thời cha mẹ bà có tạo lập được tài sản là nhà và đất tại 106 Đường T1, phường T2, quận T3, TP Đà Nẵng được UBND thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận QSHNO và QSDĐO số 60063 ngày 20/8/2002, diện tích đất 93,90m² tại thửa đất số 479, tờ bản đồ số 07 đứng tên ông Lê Đình Đ1 và bà Tôn Nữ Thị B1. Năm 2003, cha bà ông Lê Đình Đ1 chết, khi chết không để lại di chúc định đoạt tài sản nêu trên. Đến năm 2011, mẹ bà chết, trước khi chết vào ngày 22/7/2008 tại Phòng công chứng số 2 TP Đà Nẵng mẹ bà có lập di chúc để lại ½ nhà đất tại Đường T1 cho bà (phần di sản của mẹ bà trong khối tài sản chung của mẹ và cha bà ông Đ1).

Thực hiện ý nguyện của mẹ bà nhân ngày làm tuần 100 ngày, đại diện gia đình công bố Bản di chúc cũng như nội dung di chúc. Sau khi Bản di chúc được công bố các anh chị em trong gia đình đề nghị bà làm thủ tục tách thửa thì các ông Lê Đình Th, Lê Đình S, Lê Hoài Th1 và bà Lê Thị Bạch T4 không đồng ý ký xác nhận, gây trở ngại, khó khăn trong việc thực hiện di chúc của mẹ bà. Theo bà, việc mẹ bà để lại di chúc là đúng với nguyện vọng của mẹ bà khi còn sống và Bản di chúc của mẹ bà để lại di sản cho bà là hoàn toàn hợp pháp, đúng pháp luật và được cơ quan có thẩm quyền chứng nhận. Nhưng các ông Lê Đình Th, Lê Đình S, Lê Hoài Th1 và bà Lê Thị Bạch T4 đã không chấp nhận thực tế nội dung của Bản di chúc, vì vậy bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề cụ thể sau đây:

- Chia di sản thừa kế theo di chúc và theo pháp luật đối với nhà đất tại 106 Đường T1, tổ 30, phường T2, quận T3, TP Đà Nẵng.

- Công nhận di chúc do mẹ bà là bà Tôn Nữ Thị B1 lập ngày 22/7/2008 tại Phòng công chứng số 2 thành phố Đà Nẵng để lại cho bà ½ di sản nhà và đất nêu trên là hợp pháp.

Đối với phần di sản của cha bà là ông Lê Đình Đ1 để lại là ½ giá trị nhà và đất tại 106 Đường T1, phường T2, quận T3, TP Đà Nẵng, bà đề nghị chia theo pháp luật, cụ thể: Chia di sản của cha bà thành 12 kỹ phần bằng nhau cho mẹ bà là bà Tôn Nữ Thị B1 và 11 anh chị em bà là Lê Thị Mai T, ông Lê Đình T5, Lê Hoài Tr, Lê Đình N và các bà Lê Thị Sơn Tr1, Lê Thị Bảo C, Lê Thị Bảo N1, ông Lê Đình Th, Lê Đình S, Lê Hoài Th1 và bà Lê Thị Bạch T4. Đối với kỹ phần mẹ bà bà B1 hưởng thì bà đề nghị được hưởng theo di chúc của bà; đối với các kỹ phần của các anh chị em là ông Lê Đình T5, Lê Hoài Tr, Lê Đình N và các bà Lê Thị Sơn Tr1, Lê Thị Bảo C, Lê Thị Bảo N1 (06 người) có văn bản

đồng ý giao kỹ phần thừa kế của họ được hưởng cho bà sở hữu, sử dụng, yêu cầu Tòa án công nhận.

Vì vậy, bà yêu cầu nhận di sản bằng hiện vật và đồng ý thối lại kỹ phần thừa kế bằng tiền cho các ông Lê Đình Th, Lê Đình S, Lê Hoài Th1 và bà Lê Thị Bạch T4.

- Ngoài ra bà còn có ý kiến thêm như sau:

+ Đối với số tiền cho thuê một nửa ngôi nhà mỗi tháng 3.000.000đ, tổng cộng là 69.000.000đ do bà là người trực tiếp thu tiền cho thuê nhà là tiền hoa lợi thu được từ nhà đất bà không đồng ý như quyết định của Bản án sơ thẩm và Bản án phúc thẩm trước đây (đã bị hủy). Theo bà, số tiền 69.000.000đ này là hoa lợi thu được từ nhà và đất của mẹ bà để lại. Mà theo di chúc của mẹ bà thì bà được hưởng 1/2 nhà đất 106 Đường T1, phường T2, quận T3, TP Đà Nẵng, do vậy số tiền hoa lợi 69.000.000đ này bà cũng được hưởng 1/2; bà đề nghị chỉ chia số tiền cho thuê nhà 34.500.000đ cho các đồng thừa kế của ông Đ1, bà B1.

+ Đối với giá trị nhà đất tại 106 Đường T1, phường T2, quận T3, TP Đà Nẵng đã được thẩm định là 4.256.436.000đ theo chứng thư thẩm định giá số 12/7/32/BĐS-ĐNg ngày 30/7/2012 của Công ty CP Thông tin và thẩm định giá Miền Nam bà vẫn đồng ý, và đề nghị Tòa án lấy giá trị này để làm cơ sở giải quyết vụ án hiện nay, bà không yêu cầu định giá lại. Tuy nhiên, bị đơn yêu cầu định giá lại. Sau khi nhận được thông báo kết quả định giá lại, bà thấy chênh lệch không nhiều nên bà đồng ý kết quả định giá lần 2.

+ Hiện nay, nhà đất 106 Đường T1 có bà là Lê Thị Mai T, ông Lê Hoài Th1, vợ và các con ông Th1 là bà Đào Thị Châu L1, Lê Đào Quốc Đạt (sinh ngày 20.7.2003), Lê Đào Minh Nh (sinh ngày 14.12.2004) cùng ở; bà Lê Thị Bảo C đăng ký hộ khẩu tại địa chỉ nhà đất tranh chấp nhưng cô ấy đang làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh.

+ Việc ông Th, ông S và các bị đơn cho rằng năm 1989 do nhà cũ bị hư hỏng nên ông Th, ông S đã bỏ tiền ra xây dựng lại ngôi nhà 106 Đường T1 như hiện nay là không đúng vì thực tế nhà đó là của cha mẹ bà bỏ tiền ra làm, ông Th ông S không có đóng góp gì. Ngôi nhà được xây dựng từ năm 1989 đến nay không được sửa chữa hay coi nơi gì thêm.

** Tại các đơn trình bày, các bản tự khai biên bản hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Lê Thị Bạch T4 trình bày:*

Về hàng thừa kế bà thống nhất là cha mẹ bà có 11 người con như bà T trình bày là đúng, ngoài ra cha mẹ bà không có con nuôi hay con riêng hay vợ chồng nào khác. Đất tại 106 Đường T1, tổ 30, phường T2, quận T3, TP. Đà Nẵng được UBND thành phố Đà Nẵng cấp có nguồn gốc của cha mẹ bà khi còn sống tạo lập nên. Riêng ngôi nhà xây trên đất là do ông Lê Đình Th và Lê Đình S bỏ tiền ra xây dựng. Vì lúc đó hoàn cảnh kinh tế của cha mẹ bà cũng như các anh chị em trong gia đình rất khó khăn, chỉ có ông Th và ông S mới có điều kiện xây dựng ngôi nhà trên.

Bà T cho rằng trước khi chết mẹ bà lập di chúc để lại di sản cho bà T, vấn đề này bà có ý kiến như sau: Bà và những bị đơn còn lại không thừa nhận Bản di chúc là hợp pháp vì thời điểm mẹ bà lập di chúc bà đã ngoài 80 tuổi và bà cho rằng bà Tôn Nữ Thị B1 bị ép buộc khi lập di chúc, hơn nữa không có lý do gì mẹ bà viết di chúc để lại ngôi nhà do ông Lê Đình Th và Lê Đình S xây dựng cho bà T. Mặt khác, bà cho rằng di chúc ngày 22/7/2008 cho bà T của mẹ bà là không hợp pháp về cả nội dung và hình thức vì trước khi lập di chúc cho bà T thì mẹ bà đã từng lập một bản di chúc khác vào ngày 17/3/2004 với nội dung để lại nhà và đất 106 Đường T1, tổ 30, phường T2, quận T3, TP Đà Nẵng để cho bà T nhưng với nội dung bà T chỉ để làm nhà thờ, không có quyền mua bán đổi cho; di chúc này đã được công chứng chứng thực và được mẹ bà công khai với tất cả con cái trong gia đình và các anh chị em bà đều đồng tình với ý nguyện của mẹ bà. Do có sự mâu thuẫn về nội dung của hai bản di chúc nên bà cho rằng bản di chúc ngày 22/7/2008 là không hợp pháp.

Nay bà Lê Thị Mai T kiện; yêu cầu chia thừa kế, bà đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của nội dung di chúc do bà Tôn Nữ Thị B1 lập ngày 22/7/2008 và phần xây dựng ngôi nhà là do hai ông Lê Đình Th, Lê Đình S bỏ tiền ra xây dựng.

Ngoài ra, khi còn sống, mẹ bà có cho thuê mặt bằng tại 106 Đường T1, sau này khi mẹ bà chết cô Trâm là người nhận số tiền trên mỗi tháng 3.000.000đ từ ngày 02/5/2011 đến tháng 15/5/2013, tổng cộng là 73.500.000đ (tức 24,5 tháng được thể hiện ở biên bản do công an phường T2 xác nhận vào ngày 15/3/2013). Bà T4 đề nghị trong quá trình giải quyết, Tòa án tính số tiền này để cô Trâm trích trả cho các đồng thừa kế.

Về giá trị nhà đất 106 Đường T1, tổ 30, phường T2, quận T3, TP Đà Nẵng do vụ án đã kéo dài nên giá trị nhà đất có sự biến động lên xuống, vì vậy bà đã đề nghị Tòa án tiến hành thẩm định lại nhà đất 106 Đường T1, tổ 30, phường T2, quận T3, TP Đà Nẵng theo giá thị trường tại thời điểm giải quyết vụ án hiện nay. Bà đồng ý với kết quả thẩm định giá mới.

Về ngôi nhà 106 Đường T1, tổ 30 phường T2, quận T3, TP Đà Nẵng là do ông S, ông Th bỏ tiền ra xây dựng bà có chứng cứ là người bán vật liệu, các công nhân xây nhà, bà con nội ngoại và hàng xóm láng giềng biết việc này, ngoài ra còn có vợ chồng ông Hoàng Kim H2 biết và xác nhận việc ông S, ông Th bỏ tiền ra xây nhà (người này cũng là người đã giữ Bản di chúc đã niêm phong ngày 17/3/2004 của mẹ bà và công bố bản di chúc này sau khi mẹ bà mất 50 ngày cho các anh chị em bà). Chứng cứ này bà đã cung cấp cho Tòa án trong giai đoạn đầu khi giải quyết sơ thẩm trước đây.

Việc bà T khai tại một số bản tự khai và những lần hòa giải bà T đã khai không trùng khớp, thể hiện sự không Tr thực về nguồn gốc ngôi nhà. Bà T muốn phủ nhận việc ông S, ông Th đã bỏ tiền ra xây nhà.

Ngoài ra, di sản mẹ bà để lại còn có 30 triệu đồng tiền mặt, 01 chỉ vàng (loại vàng gì bà không biết); 01 đôi bông tai bằng vàng (loại vàng gì và số lượng bao nhiêu bà không biết). Những di sản này bà được bà T thông báo lại

nên biết. Bà cho rằng số tiền và vàng này bà T đang cất giữ, bà chỉ được Trâm thông báo miệng vào ngày công bố di chúc, chứ bà không có chứng cứ bằng văn bản về việc bà T thừa nhận cất giữ số tiền và vàng này để cung cấp cho Tòa án.

Như vậy, đối với yêu cầu khởi kiện của bà T thì bà có ý kiến như sau:

Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T vì yêu cầu của bà T có nhiều điểm không hợp lý, bà cũng không đồng ý giao nhà đất cho bà T sở hữu sử dụng, bà có nguyện vọng để nhà đất làm nhà thờ, anh chị em ai cũng có quyền về đó ở. Và bà đề nghị Tòa án xem xét:

- Tuyên di chúc ngày 22/7/2008 giữa mẹ bà và bà T là vô hiệu.

- Bà không đồng ý việc yêu cầu chia thừa kế của bà T mà để nhà đất lại làm nhà thờ.

- Về số tiền 30.000.000đ và số vàng bà T cất giữ bà khai như trên bà đề nghị nhập vào khối di sản của mẹ bà để chia cho các đồng thừa kế.

- Tiền cho thuê nhà 73.500.000đ, số tiền 30.000.000đ và số vàng bà T cất giữ bà yêu cầu chia đều cho các anh chị em trong nhà chứ không đồng ý chia theo di chúc như ý kiến bà T.

- Bà không đồng ý với nhận định tại trang 5 của Quyết định giám đốc thẩm ngày 23/10/2015 của Tòa án nhân dân tối cao, cho rằng không ai phản đối về di chúc ngày 22/7/2008 là không đúng, nhận định này là mâu thuẫn.

- Bà đề nghị Tòa án triệu tập nhân chứng là vợ chồng ông Hoàng Kim H2; chủ cung cấp vật liệu xây dựng, các công nhân xây nhà và những người bà con nội ngoại tham gia vụ án để làm rõ các tình tiết liên quan trong vụ án. Bà và những bị đơn khác có trách nhiệm, cung cấp tên, địa chỉ của những người làm chứng mà yêu cầu triệu tập.

- Ngoài ra bà còn yêu cầu Tòa án đưa các tài sản khác là đồ dùng gia đình và vật dụng thờ có trong ngôi nhà do: cha mẹ bà để lại gồm; 02 tủ thờ gỗ; 01 tủ gỗ kính; 04 chân đèn bằng đồng; 04 lư hương bằng sứ; 01 tủ áo quần bằng gỗ; 01 giường gỗ; 01 bộ bàn ghế gỗ, các vật dụng này được định giá có giá trị 7.980.000đ để chia thừa kế.

Hiện nay ông Lê Đình S đi làm ăn xa nhưng vẫn lưu trú tại ngôi nhà tranh chấp mỗi lúc về; còn ông Lê Đình N hiện nay không trú tại các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất mà trú tại Úc, bà không cung cấp địa chỉ tại Úc của ông N được.

** Tại đơn trình bày, các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Đình Th trình bày:*

Ông thống nhất với ý kiến của bà Lê Thị Bạch T4, ông đề nghị Tòa án xem xét để nhà đất lại làm nhà thờ và tính công sức, tiền bạc của ông và ông S đã bỏ ra để xây dựng ngôi nhà 106 Đường T1, TP Đà Nẵng.

** Tại các đơn trình bày, các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Hoài Th1 trình bày:* Ông thống nhất với ý kiến của bà Lê Thị

Bạch T4, ông đề nghị Tòa án khi giải quyết vụ án cần xem xét bố trí chỗ ở cho ông vì hiện nay vợ chồng con cái ông đang sống, tại ngôi nhà 106 Đường T1, TP Đà Nẵng và không có chỗ ở nào khác.

** Tại các đơn trình bày, các bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Lê Đình S trình bày:* Ông thống nhất với ý kiến của bà Lê Thị Bạch T4, ông đề nghị Tòa án xem xét để nhà đất lại làm nhà thờ. Trường hợp nếu phải chia thừa kế thì ông đề nghị Tòa án tính công sức, tiền bạc của ông và ông Th đã bỏ ra để xây dựng ngôi nhà 106 Đường T1, TP Đà Nẵng, đồng thời xem xét giao bằng hiện vật là nhà đất cho phía các bị đơn.

** Tại các đơn trình bày, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hoài Tr trình bày:*

Ông thống nhất với ý kiến của bà Lê Thị Mai T đã trình bày. Ông đề nghị Tòa án sớm giải quyết nhanh vụ án. Ông thống nhất với kết quả thẩm định giá tài sản lần thứ hai.

Di chúc ngày 22/7/2008 của bà B1, ông Hoàng Kim H2 không cất giữ như bà T4 đã trình bày mà do ông Lê Đình T5 (con trai cả của ông Đ1, bà B1) cất giữ, ông H2 chỉ là người mở di chúc ra xem và đọc cho các anh chị em trong gia đình nghe. Sau khi nghe công bố di chúc, phía bị đơn đã tự ý rời bỏ khỏi nơi công bố di chúc mà không có ý kiến gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án: Năm 2013, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã giải quyết vụ án theo Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2013/DSST ngày 30/7/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, nhưng Bản án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng bị Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng kháng nghị và các bị đơn có kháng cáo. Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng đã xét xử phúc thẩm và ban hành Bản án số 11/2013/DSPT ngày 03/12/2013. Đến ngày 29/5/2015 Chánh án Tòa án nhân dân tối cao có Quyết định Kháng nghị Giám đốc thẩm số 186/2015/KNDS. Ngày 23/11/2015 Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao có Quyết định giám đốc thẩm số 30/2015/DS-GĐT hủy toàn bộ Bản án phúc thẩm số 11/2013/DSPT và Bản án sơ thẩm số 09/2013/DSST nêu trên.

** Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đào Thị L1 – Vợ ông Lê Hoài Th1 trình bày:*

Bà thống nhất với ý kiến của chồng bà là Lê Hoài Th1, hiện nay vợ chồng và con cái bà đang sống tại nhà 106 Đường T1, TP Đà Nẵng nên khi giải quyết vụ án đề nghị Tòa án xem xét tạo điều kiện để gia đình bà có chỗ ở.

Quá trình giải quyết vụ án:

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2013/DSST ngày 30/7/2013, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định:

Công nhận nhà và đất tọa lạc tại số 106 Đường T1, phường T2, quận T3, thành phố Đà Nẵng thuộc thửa đất số 479, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 60063 do Ủy ban nhân dân thành

phố Đà Nẵng cấp ngày 20/8/2002 là di sản thừa kế của cụ Lê Đình Đ1 và cụ Tôn Nữ Thị B1 để lại có giá trị là 4.256.436.000 đ.

Công nhận di chúc của cụ Tôn Nữ Thị B1 lập ngày 22/7/2008 là hợp pháp.

Những người được hưởng thừa kế của cụ Lê Đình Đ1 và cụ Tôn Nữ Thị B1 gồm có: Lê Thị Bạch T4, Lê Đình T5, Lê Thị Sơn Tr1, Lê Đình N, Lê Đình S, Lê Đình Th, Lê Thị Mai T, Lê Hoài Tr, Lê Hoài Th1, Lê Thị Bảo C, Lê Thị Bảo N1.

Giá trị kỹ phần những người thừa kế được hưởng theo di chúc và theo pháp luật như sau:

- Bà Lê Thị Mai T được hưởng giá trị kỹ phần thừa kế theo di chúc và theo pháp luật là 2.258.965.091 đ.

- Công nhận sự tự nguyện của các ông Lê Đình T5, Lê Hoài Tr, Lê Đình N, bà Lê Thị Sơn Tr1, Lê Thị Bảo C giao kỹ phần thừa kế mỗi người được hưởng là 199.747.091 đ (tổng cộng là 998.735.455 đ) cho bà Lê Thị Mai T trọn quyền sở hữu, sử dụng.

Như vậy kỹ phần của bà Lê Thị Mai T được hưởng là 3.257.700.545 đ

- Ông Lê Đình S, ông Lê Đình Th, Lê Hoài Th1, bà Lê Thị Bạch T4, Lê Thị Bảo N1 mỗi người được hưởng giá trị kỹ phần thừa kế theo pháp luật là 199.747.091 đ.

Giao hiện vật như sau: Giao cho bà Lê Thị Mai T được quyền sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà và đất tọa lạc tại số 106 Đường T1, phường T2, quận T3, thành phố Đà Nẵng thuộc thửa đất số 479, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 60063 do Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 20/8/2002. Nhà đất có tứ cận như sau:

- Hướng Đông tiếp giáp đường kiệt công cộng,
- Hướng Tây giáp nhà bà Hà Thị S1.
- Hướng Nam giáp đường T1.
- Hướng Bắc giáp nhà bà Trương Thị T9.

Bà Lê Thị Mai T có quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác lập quyền sở hữu đối với tài sản nhà đất nêu trên.

Nghĩa vụ thôi trả:

Bà Lê Thị Mai T có nghĩa vụ thôi trả cho ông Lê Đình S, Lê Đình Th, Lê Hoài Th1, bà Lê Thị Bạch T4, Lê Thị Bảo N1 mỗi người 199.747.091 đ.

Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí thẩm định giá, nghĩa vụ do chậm thi hành án và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/8/2013, bà T4, ông S, ông Th, ông Th1 có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm nêu trên.

Ngày 12/8/2013 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có Quyết định số 05/QĐKNPT-DS, kháng nghị toàn bộ Bản án sơ thẩm nêu trên

theo thủ tục phúc thẩm, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm Kiểm sát viên tham dự phiên tòa rút lại toàn bộ kháng nghị nêu trên.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2013/DSPT ngày 03/12/2013, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng quyết định:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 05/QĐKNPT-DS ngày 12/8/2013 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Không chấp nhận kháng cáo của các ông, bà Lê Thị Bạch T4, Lê Đình S, Lê Đình Th, Lê Hoài Th1. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Sau khi xét xử phúc thẩm, các ông, bà Lê Đình Th, Lê Đình S, Lê Thị Bạch T4, Lê Hoài Th1 có Đơn đề nghị giám đốc thẩm Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 30/2015/DS-GĐT ngày 23/10/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã nhận định: Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã xác định đúng hàng thừa kế, di sản thừa kế, chia thừa kế theo di chúc và theo pháp luật là có căn cứ theo pháp luật. Tuy nhiên, nhà đất tranh chấp hiện đang do bà T, ông Th1 quản lý sử dụng nhưng tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm không xem xét yêu cầu và nhu cầu nhà ở của ông Th1 để chia thừa kế bằng hiện vật mà giao toàn bộ nhà đất cho bà T. Xét thấy, diện tích đất di sản thừa kế có thể chia được cho cả bà T, ông Th1 mà vẫn đảm bảo giá trị sử dụng đất và đảm bảo quyền yêu cầu được phân chia di sản thừa kế bằng hiện vật của các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 685 Bộ luật dân sự và cũng phù hợp với thực tế nhu cầu nhà ở của ông Th1. Vì vậy, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định hủy Bản án dân sự phúc thẩm số 11/2013/DSPT ngày 03/12/2013, Tòa phúc thẩm, Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng và Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2013/DSST ngày 30/7/2013, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Từ những nội dung và quá trình giải quyết vụ án đã được xác định nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DSST ngày 17/02/2017, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Áp dụng:

- Điều 631,645,648,652,662,667,675,676 Bộ luật dân sự;
- Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Chia di sản thừa kế theo di chúc và theo pháp luật” của bà Lê Thị Mai T đối với các ông, bà Lê Đình Thành, Lê Đình S, Lê Thị Bạch T4, Lê Hoài Th1.

I. Về di sản, di chúc và hàng thừa kế:

1/ Công nhận di sản của ông Lê Đình Đ1 và bà Tôn Nữ Thị B1 để lại, có tổng giá trị là 4.261.260.000đ, gồm:

- Nhà và đất tọa lạc tại số 106 Đường T1, phường T2, quận T3, thành phố Đà Nẵng có diện tích đất 93,90m², thuộc thửa đất số 479, tờ bản đồ số 7 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận QSHNO và QSDĐO số 60063 ngày 20/8/2002 đứng tên ông Lê Đình Đ1 và bà Tôn Nữ Thị B1 có giá trị **4.184.280.000đ**

- Số tiền hoa lợi, lợi tức thu được từ di sản là số tiền cho thuê nhà 69.000.000đ.

- Toàn bộ di sản là các tài sản, vật dụng trong nhà gồm: 02 tủ thờ gỗ; 01 tủ gỗ kính; 04 chân đèn bằng đồng; 04 lư hương bằng sứ; 01 tủ áo quần bằng gỗ; 01 giường gỗ; 01 bộ bàn ghế gỗ, các vật dụng này có giá trị: **7.980.000đ**.

2/ Công nhận di chúc của bà Tôn Nữ Thị B1 lập ngày 22/7/2008 là hợp pháp.

3/ Những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Lê Đình Đ1 và bà Tôn Nữ Thị B1 gồm: Lê Thị Mai T, Lê Đình T5, Lê Hoài Tr, Lê Đình N, Lê Thị Sơn Trà, Lê Thị Bảo C, Lê Thị Bảo N1, Lê Đình Th, Lê Đình S, Lê Hoài Th1 và Lê Thị Bạch T4.

II. Xử:

1/Công nhận:

Bà Lê Thị Mai T được hưởng thừa kế theo di chúc, theo pháp luật và nhận kỹ phần nhường thừa kế như sau:

- Tổng cộng giá trị di sản bà Lê Thị Mai T được hưởng theo di chúc của bà Tôn Nữ Thị B1 là: 2.308.182.500đ. (Trong đó có giá trị ½ nhà đất tại 106 Đường T1, phường T2, quận T3, thành phố Đà Nẵng là 2.092.140.000đ ; ½ số tiền 69.000.000đ cho thuê nhà là 34.500.000đ; ½ giá trị các vật dụng trong gia đình là $7.980.000đ:2 = 3.990.000đ$; tổng cộng giá trị di sản của bà B1 để lại là 2.130.630.000đ và 01 kỹ phần bà B1 được hưởng theo pháp luật của ông Đ1 chuyển cho bà T là 177.552.500đ).

- Bà Lê Thị Mai T được hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Lê Đình Đ1 01 kỹ phần có giá trị là 177.552.500đ và 06 kỹ phần do ông T5, ông Tr, ông N, bà Tr1, bà C, bà N1 tự nguyện nhường lại có giá trị là **177.552.500đ X 6 = 1.065.315.000đ**.

Tổng giá trị di sản bà T được hưởng thừa kế theo di chúc và theo pháp luật có giá trị là: 3.551.000.000đ.

Ông Lê Đình Th, ông Lê Đình S, ông Lê Hoài Th1 và bà Lê Thị Bạch T4 mỗi người được hưởng một kỹ phần thừa kế theo pháp luật của ông Lê Đình Đ1 có giá trị 177.552.500đ.

2/ Tuyên:

Giao cho bà Lê Thị Mai T được nhận di sản bằng hiện vật là một phần nhà đất tại 106 Đường T1, phường T2, quận T3, thành phố Đà Nẵng (thuộc thửa đất số 479, tờ bản đồ số 7 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận

QSHNO và QSDĐO số 60063 ngày 20/8/2002 đứng tên ông Lê Đình Đ1 và bà Tôn Nữ Thị B1). Trong đó phần diện tích đất là 57,70m², diện tích xây dựng gắn liền với đất là 124m². Giá trị công trình xây dựng là 143.661.085đ; giá trị đất 2.421.669.000đ; tổng cộng giá trị nhà và đất bà T được nhận bằng hiện vật là 2.565.330.085đ .Từ cận nhà và đất:

- + Hướng Nam giáp đường T1, dài 5m*
- + Hướng Bắc giáp nhà bà Trương Thị T9, dài 5m*
- + Hướng Tây giáp nhà đất chia cho ông Lê Hoài Th1, dài 11,53m*
- + Hướng Đông giáp kiệt bê tông, dài 11,55m.*

(có sơ đồ kèm theo)

- Giao cho bà Lê Thị Mai T được nhận số tiền cho thuê nhà là 69.000.000đ.

*- Giao cho ông Lê Hoài Th1 được nhận di sản bằng hiện vật là một phần nhà đất tại 106 Đường T1, phường T2, quận T3, thành phố Đà Nẵng (thuộc thửa đất số 479, tờ bản đồ số 7 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận QSHNO và QSDĐO số 60063 ngày 20/8/2002 đứng tên ông Lê Đình Đ1 và bà Tôn Nữ Thị B1).Trong đó phần diện tích đất là 36,2m², diện tích xây dựng gắn liền với đất là 86m². Giá trị công trình xây dựng là 99.635.902đ ; giá trị đất 1.519.314.000đ; tổng cộng giá trị nhà và đất ông Th1 được nhận bằng hiện vật là **1.618.949.902đ**. Từ cận nhà và đất: .*

- + Hướng Nam giáp đường T1, dài 3,17m*
- + Hướng Bắc giáp nhà bà Trương Thị T9, dài 3,11m*
- + Hướng Tây giáp nhà đất bà Hà Thị S1, dài 11,52m*
- + Hướng Đông nhà đất chia cho bà Lê Thị Mai T, dài 11,53m (có sơ đồ kèm theo).*

*- Giao cho ông Lê Hoài Th1 được nhận toàn bộ di sản là các tài sản, vật dụng trong nhà gồm: 02 tủ thờ gỗ; 01 tủ gỗ kính; 04 chân đèn bằng đồng; 04 lưu hương bằng sứ; 01 tủ áo quần bằng gỗ; 01 giường gỗ; 01 bộ bàn ghế gỗ, các vật dụng này có giá trị:**7.980.000đ**.*

*Ông Lê Hoài Th1 có trách nhiệm thôi trả các kỹ phần thừa kế cho ông Lê Đình Th, ông Lê Đình S, bà Lê Thị Bạch T4 mỗi người số tiền **177.552.500đ**, thôi trả cho bà Lê Thị Mai T số tiền **916.719.917đ**.*

Bà Lê Thị Mai T, ông Lê Hoài Th1 được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xác lập quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo quy định.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí thẩm định giá, án phí sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/3/2017, nguyên đơn bà Lê Thị Mai T kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo như sau: Sơ đồ bản vẽ

kèm theo Bản án sơ thẩm xác định vị trí tầng lững không chính xác, diện tích sàn xây dựng chia không vuông góc theo trục thẳng đứng so với diện tích đất được chia, do đó, diện tích xây dựng chia không chính xác và việc phân chia lại các di sản là tài sản, vật dụng trong nhà giao hết cho ông Th1 là không hợp lý, bà T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chia lại hiện vật, xác định, điều chỉnh lại diện tích sàn xây dựng được chia cho mỗi bên phù hợp với diện tích đất, vuông góc theo trục thẳng đứng với diện tích đất được chia, đồng thời yêu cầu chia hai các tài sản, vật dụng là di sản của ông Đ1, bà B1 để lại.

Bà Lê Thị Bạch T4, ông Lê Đình Th, ông Lê Hoài Th1 kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo như sau: Nội dung Bản án sơ thẩm chưa khách quan, không công bằng, không đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của các bị đơn. Các bị đơn yêu cầu phân chia lại nhà đất 106 Đường T1 cho theo đúng với Quyết định 42/2014/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, xem xét kết cấu ngôi nhà, phần nhà có thờ tự giao cho phía bị đơn, các vật dụng, tài sản là di sản chỉ nhận 02 tủ thờ, chân đèn bằng đồng, 04 cái ly hương còn vật dụng khác đề nghị giao cho phía nguyên đơn; trả lại tiền xây dựng nhà 106 Đường T1; chia đều số tiền cho thuê nhà 73.500.000 đồng cho các đồng thừa kế; chia số tiền 30.000.000 đồng, 01 chỉ vàng, 01 đôi bông tai và toàn bộ vật dụng của gia đình mà bà T đang quản lý, cất giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Mai T xin rút lại yêu cầu chia hai các tài sản, vật dụng, đồ dùng thờ cúng là di sản của ông Đ1, bà B1 để lại, giữ nguyên nội dung kháng cáo còn lại. Đồng thời xác định lại giá trị di sản theo kết quả định giá tài sản mới của Hội đồng định giá cho phù hợp với giá trị trường tại thời điểm giải quyết vụ án. Đồng thời, bà T đề nghị công nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà T theo Bản án phúc thẩm năm 2013 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T, Luật sư Nguyễn Thị H trình bày: Đây là phiên tòa phúc thẩm lần thứ 16, kể từ khi Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm, bà T luôn luôn có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, nhưng phía bị đơn hầu hết các phiên tòa đều vắng mặt không có lý do, hoặc lý do không chính đáng, không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho lý do vắng mặt, do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Lê Thị Bạch T4, ông Lê Đình Th, ông Lê Hoài Th1, chấp nhận kháng cáo của bà T, sửa Bản án sơ thẩm, xác định lại diện tích xây dựng được chia tương ứng với diện tích đất, vẽ lại sơ đồ nhà đất, chia lại giá trị di sản thừa kế nhà đất theo kết quả định giá mới nhất, ngày 16/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản, nhà đất tại 106 Đường T1.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng, tham gia tố tụng đã chấp hành và thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người kháng cáo bà Lê Thị Bạch T4, ông Lê Đình Th, ông Lê Hoài Th1 đã nhiều lần vắng mặt lý do không chính

đáng, không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu hoãn phiên tòa của mình, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như họ đã từ bỏ việc kháng cáo, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà T4, ông Th và ông Th1 và căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 289; Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần bà T rút kháng cáo.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét kháng cáo của các đương sự, xét thấy:

[1]. Về tố tụng: Xét thấy, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, nhiều lần các bị đơn bà Lê Thị Bạch T4, ông Lê Đình Th, ông Lê Hoài Th1 xin hoãn phiên tòa và có đơn yêu cầu xem xét thẩm định, đo đạc lại hiện trạng nhà đất tại 106 Đường T1, định giá lại tài sản là di sản tranh chấp, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã hoãn phiên tòa để thực hiện các yêu cầu xem xét thẩm định, đo đạc và định giá tài sản theo yêu cầu của các đương sự, tuy nhiên, phía bị đơn bà T4, ông Th và ông Th1 không nộp tạm ứng tiền chi phí định giá lại tài sản theo thông báo của Tòa án. Riêng ông Lê Đình Th có nộp 3.000.000 đồng chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ. Đối với nguyên đơn bà Lê Thị Mai T cũng nhiều lần có đơn yêu cầu định giá tài sản và xem xét thẩm định tại chỗ, bà T cũng đã thực hiện nộp chi phí tố tụng định giá tài sản nên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã Quyết định tạm đình chỉ vụ án để tiến hành định giá lại tài sản, đến ngày 28/12/ 2018 có kết quả định giá tài sản, Tòa án đã thông báo cho các đương sự thì bà T4, ông Th và ông Th1 nhiều lần xin hoãn phiên tòa, không chấp nhận kết quả định giá nêu trên, đồng thời yêu cầu định giá lại tài sản, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tiếp tục ủy thác cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án, nhưng bà Lê Thị Bạch T4, ông Lê Đình Th, ông Lê Hoài Th1 vẫn tiếp tục không nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản, nhiều lần có đơn xin gia hạn việc nộp tiền, do kết quả định giá tài sản ngày 28/12/ 2018 không còn phù hợp giá thị trường, bà T, bà T4, ông Th và ông Th1 đều có đơn yêu cầu định giá tài sản lại, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tiếp tục tạm đình chỉ vụ án để Ủy thác cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thành lập Hội đồng định giá tài sản theo quy định của pháp luật, sau khi nhận được kết quả ủy thác và Biên bản định giá ngày 16/4/2021, ngày 20/4/2021 Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng có văn bản Thông báo số: 1059/TB-TANDCCĐN về kết quả định giá Hội đồng định giá ngày 16/4/2021 cho các đương sự, không có đương sự nào có ý kiến gì về kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, nhưng bà Lê Thị Bạch T4, ông Lê Đình Th, ông Lê Hoài Th1 là người kháng cáo và ông Lê Hoài Song là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan việc kháng cáo đều vắng mặt tại phiên tòa, nội dung các đơn xin hoãn phiên tòa có 02 đơn nêu vì lý do dịch Covid-19 nhưng không có tài liệu

chứng minh liên quan trực tiếp gì đến các đương sự, các đơn xin hoãn phiên tòa còn lại đều không có lý do chính đáng, không có tài liệu chứng cứ gì kèm theo để chứng minh cho lý do xin hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay (ngày 12/10/2021) là phiên tòa lần thứ 16, kể từ khi thụ lý vụ án, phiên tòa lần thứ 05, kể từ sau khi tạm đình chỉ lần thứ hai đối với vụ án, Hội đồng xét xử tiếp tục nhận được Đơn xin hoãn phiên tòa đề ngày 11/10/2021 của ông Lê Hoài Th1 ký tên, lý do xin hoãn phiên tòa như sau: “*Ông Lê Đình Th đang bị bệnh, không thể đến tham gia phiên tòa.*” Nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì kèm theo đơn để chứng minh ông Lê Đình Th đang bị bệnh. Kiểm tra việc tổng đạt Giấy triệu tập đối với các đương sự thì thấy bà Lê Thị Bạch T4, ông Lê Đình Th, ông Lê Hoài Th1 đã được tổng đạt và họ đều đã ký nhận vào Phiếu báo phát của Bưu điện từ ngày 30/9/2021 đến ngày 04/10/2021. Xét thấy, việc xin hoãn phiên tòa phúc thẩm của ông Lê Hoài Th1 với lý do nêu trên là không có căn cứ, bà Lê Thị Bạch T4, ông Lê Đình Th vắng mặt không có lý do, coi như bà Lê Thị Bạch T4, ông Lê Đình Th, ông Lê Hoài Th1 đã từ bỏ việc kháng cáo.

Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 5 Điều 308 và khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bà T4, ông Th và ông Th1. Đối với ông Lê Hoài Song Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Lê Thị Mai T xin rút lại yêu cầu chia hai các tài sản, vật dụng, đồ dùng thờ cúng là di sản của ông Đ1, bà B1 để lại, căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 289; Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần bà T rút kháng cáo, do vậy, Hội đồng xét xử chỉ xem xét kháng cáo liên quan đến chia hiện vật nhà đất 106, Đường T1 và xem xét yêu cầu xác định lại giá trị di sản nhà đất theo thị trường.

[2]. Về nội dung: Xét thấy tại Bản án sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật, hàng thừa kế, di sản thừa kế, Bản di chúc của bà Tôn Nữ Thị B1 lập ngày 22/7/2008 là hợp pháp và việc chia hiện vật nhà ở theo nhận định tại Quyết định Giám đốc thẩm số 30/2015/DS-GĐT ngày 23/10/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xem xét kháng cáo liên quan việc chia hiện vật nhà đất của bà Lê Thị Mai T, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ lại đối với nhà đất 106 Đường T1, kết quả như sau: Về diện tích thửa đất và diện tích xây dựng tầng một là 93,90m² (không thay đổi so với diện tích do Tòa án sơ thẩm xác định và chia tại sơ đồ bản vẽ kèm theo Bản án sơ thẩm), diện tích xây dựng tầng 2 là 82,9m², theo Bản án sơ thẩm xác định 90,60m² (chênh lệch giảm 7,70m²), diện tích xây dựng tầng lửng 45,90m², tại Bản án sơ thẩm xác định diện tích xây dựng tầng lửng 25,40m² (chênh lệch tăng 20,50m²) từ chỗ xác định không đúng diện tích xây dựng thực tế của căn nhà, (nguyên nhân do Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích xây dựng theo bản vẽ tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) Bản án sơ thẩm đã chia diện tích xây dựng tầng 2 cho ông

Lê Hoài Th1 39,61m², cho bà Lê Thị Mai T 50,99m² và chia diện tích xây dựng tầng lửng cho ông Th1 10,19m², cho bà T 15,31m² là không đúng, chia diện tích xây dựng tầng 2 và tầng lửng bị lệch, không vuông góc với diện tích đất đã chia cho mỗi bên. Xem xét kích thước các cạnh tại sơ đồ bản vẽ kèm theo Bản án sơ thẩm, phần xây dựng tầng 2 mặt tiếp giáp đường T1 chia cho ông Th1 có chiều ngang rộng 4,05 m, phía sau rộng 3,80m, giao cho bà T có chiều ngang phía trước rộng 4,12 m, phía sau rộng 5m là không đúng (không phù hợp kích thước thửa đất chia cho ông Th1 và bà T), phần tầng lửng chia cho ông Th1 có kích thước chiều rộng phía sau 3,14m, rộng hơn 0,3m so với chiều rộng của thửa đất. Như vậy, tổng diện tích xây dựng của căn nhà được xác định lại là 222,7 m² (Trong đó, Tầng 1 diện tích xây dựng 93,9 m²; Tầng 2 diện tích xây dựng 82,9 m²; Tầng lửng diện tích xây dựng 45,9 m²) Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà T sửa Bản án sơ thẩm, chia lại phần diện tích sàn xây dựng tầng 2 và tầng lửng, chia lại hiện vật cho mỗi bên, tương ứng vuông góc với diện tích đất được chia và chỉnh sửa lại sơ đồ bản vẽ phân chia nhà đất, cụ thể, về diện tích đất chia cho ông Lê Hoài Th1 36,2 m²/93,9m², chia cho bà T 57,7 m²/93,9 m², bởi lẽ, bà T là người được hưởng nhiều kỷ phần di sản, diện tích hiện vật quyền sử dụng đất và sở hữu nhà của ông Th1 cũng đảm bảo nhu cầu sinh hoạt thiết yếu, đảm bảo về chỗ ở, về kết cấu do đặc điểm ngôi nhà chỉ có hai trụ ở giữa, không thể chia bên nào cũng có trụ chịu lực, tuy phần nhà chia cho ông Th1 không có trụ chịu lực, nhưng khi cải tạo hoặc xây dựng lại thì khắc phục theo quy định về xây dựng, việc ông Th1 sử dụng để ở không có ảnh hưởng gì. Mặt khác, tại Quyết định số 29/2018/ QĐ-UBND ngày 31/8/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về sửa đổi, bổ sung Quyết định 42/2014/QĐ-UBND ngày 26/11/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định diện tích tối thiểu để tách thửa tại quận T3, thành phố Đà Nẵng phải đảm bảo diện tích 50 m². Do vậy, Hội đồng xét xử giữ nguyên phần diện tích đất đã chia của Bản án sơ thẩm, chỉ chia lại diện tích xây dựng phù hợp với diện tích đất, diện tích thực tế sàn xây dựng của ngôi nhà.

[3]. Về giá trị tài sản: Do các đương sự là bị đơn không thực hiện các nghĩa vụ tố tụng, làm vụ án kéo dài, theo yêu cầu của các bên đương sự, cả phía nguyên đơn là bà T và các bị đơn là bà T4, ông Th và ông Th1, xét thấy, giá trị tài sản nhà đất tại Bản án sơ thẩm không còn phù hợp với giá cả thị trường nơi có tài sản định giá và tại thời điểm giải quyết vụ án, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án cũng như việc xác định án phí của vụ án. Theo nội dung hướng dẫn tại Thông tư số 02/2014/TTLN-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/3/2014 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, và Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đã được sửa đổi, bổ sung theo luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự về định giá tài sản, thẩm định giá tài sản và căn cứ quy định tại Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã ủy thác cho Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thành lập Hội đồng định giá tài sản. Sau khi có kết quả định giá tài sản ngày 16/4/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã có văn bản Thông báo số 1059/TB-

TANDCCĐN ngày 20/4/2021 cho các đương sự của vụ án, nhưng không có ai có ý kiến gì về kết quả định giá tài sản, do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ kết quả định giá tài sản ngày 16/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản, xác định lại giá trị di sản nhà đất tại 106 Đường T1 để phân chia di sản thừa kế của ông Đ1 và bà B1.

Như vậy, về giá trị di sản của ông Đ1 bà B1 để lại được xác định lại như sau:

- Giá trị nhà: 228.222.960 đồng. (Đơn giá xây dựng theo kết quả định giá lại 1.024.800, đồng/ m² x 222,7 m²)

- Giá trị đất: 12.386.349.000 đồng.

- Lợi tức thuê nhà: 69.000.000 đồng.

- Đồ thờ cúng và đồ dùng: 7.980.000 đồng.

Tổng cộng: 12.691.551.960 đồng.

[4]. Về chia hiện vật và giá trị:

- Chia cho bà T 57,7 m²/93,9m² đất ở có giá trị là 7.611.207.000 đồng. Diện tích sàn: 137,3m²/222,7m² có giá trị là 140.750.040 đồng. Giá trị lợi tức cho thuê nhà (bà T đang giữ) giao cho bà T nhận 69.000.000 đồng. Tổng giá trị hiện vật bà T đã được chia là: 7.820.912.040 đồng.

- Chia cho ông Th1 36,2 m²/93,9 m² đất ở, có giá trị là 4.775.142.000 đồng. Diện tích sàn xây dựng: 85,4 m²/222,7 m², có giá trị 87.517.920 đồng. Đồ thờ cúng và đồ dùng ông Th1 được chia trị giá 7.980.000 đồng. Tổng cộng giá trị hiện vật ông Th1 được chia là 4.870.639.920 đồng.

- Chia giá trị theo di chúc và theo pháp luật và việc thời trả cho nhau:

Di sản của ông Đ1, bà B1 mỗi người được xác định là ½ khối di sản, phần ông Đ1 có giá trị là 6.345.775.980 đồng, do ông Đ1 chết trước, không để lại di chúc nên phần giá trị di sản của ông Đ1 chia đều cho vợ là bà Tôn Nữ Thị B1 và 11 người con (Tổng cộng 12 kỹ phần) mỗi người thừa kế thứ nhất của ông Đ1 được hưởng tương ứng với số tiền 528.814.665 đồng.

Phần di sản của bà B1 có giá trị 6.874.590.645 đồng (trong đó phần bà B1 6.345.775.980 đồng + phần bà B1 hưởng thừa kế của ông Đ1 528.814.665 đồng).

Theo di chúc của bà Tôn Nữ Thị B1 lập ngày 22/7/2008, thì bà T được hưởng toàn bộ phần di sản của bà B1, có giá trị 6.874.590.645 đồng, cộng với phần bà T được hưởng của ông Đ1 là 528.814.665 đồng, bà T được hưởng theo di chúc và theo pháp luật tương ứng với số tiền 7.403.405.310 đồng. Các đồng thừa kế gồm Lê Đình T5, Lê Hoài Tr, Lê Đình N, Lê Thị Sơn Tr1, Lê Thị Bảo C, Lê Thị Bảo N1 đồng ý nhường kỹ phần của mình cho bà T, bà T được hưởng thêm 06 kỹ phần tương ứng số tiền 3.172.887.990 đồng (528.814.665 đồng x 6). Như vậy, bà T được hưởng thừa kế theo di chúc, thừa kế theo pháp luật và có 06 người nhường kỹ phần thừa kế, tổng cộng có giá trị 10.576.293.300 đồng.

Bà Lê Thị Bạch T4, ông Lê Đình Th, ông Lê Đình S và Lê Hoài Th1 mỗi người được hưởng 01 kỹ phần thừa kế của ông Đ1, tương ứng có giá trị mỗi người được hưởng số tiền: 528.814.665 đồng.

Đối trừ với giá trị hiện vật được nhận của ông Th1 như sau: Ông Th1 được hưởng 528.814.665 đồng, ông Th1 đã nhận hiện vật nhà đất trị giá 4.870.639.920 đồng như vậy ông Th1 phải thối trả cho những đồng thừa kế khác cụ thể như sau: Thối trả cho bà T4, ông S, ông Th mỗi người 528.814.665 đồng (tổng cộng 1.586.443.995 đồng). Ông Th1 thối trả cho bà T: 2.755.381.260 đồng.

Bà T được hưởng 10.576.293.300 đồng, Bà T đã nhận hiện vật nhà đất và giá trị lợi tức từ việc cho thuê nhà trị giá 7.820.912.040 đồng, nhận ở ông Th1: 2.755.381.260 đồng.

Riêng đối với việc bà T đề nghị công nhận GCNQSDĐ bà T được cấp theo Bản án phúc thẩm số 11/2013/DS-PT ngày 03/12/2013, nhưng do bản án nói trên đã bị hủy theo Quyết định Giám đốc thẩm số 30/2015/DS-GĐT ngày 23/10/2015 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, việc công nhận hay cấp lại GCNQSDĐ sẽ được các cơ quan quản lý Nhà nước về đất đai xem xét theo thẩm quyền, không thuộc trách nhiệm xem xét của Hội đồng xét xử phúc thẩm.

[5]. Về án phí án phí dân sự sơ thẩm, căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, xác định lại như sau:

Bà Lê Thị Mai T có đơn xin miễn giảm án phí, nhưng xét bà T không thuộc đối tượng được miễn giảm, do vậy phải chịu án phí tương ứng với giá trị di sản mà bà T được chia, cụ thể số tiền: 118.576.293 đồng [112.000.000 đồng + (6.576.293.300 đồng x 0,1%)], bà T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 978.000 đồng tại Biên lai thu 004993 ngày 18/6/2012 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T3. Bà T còn phải nộp số tiền 117.598.293 đồng.

Ông Th1, ông Th, ông S, phải chịu án phí tương ứng với giá trị di sản mà họ được hưởng, cụ thể số tiền án phí mỗi người phải chịu: 25.152.587 đồng [20.000.000 đồng + (128. 814.665 đồng x 4%)].

Do các ông Lê Đình S, ông Lê Hoài Th1 và ông Lê Đình Th còn phải thực hiện nghĩa vụ về án phí nên yêu cầu Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng giữ lại tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông S, ông Th1, và ông Th đã nộp mỗi người 200.000 đồng tại các biên lai số 000503, 000504, 000506 ngày 26/8/2013 để đảm bảo thi hành án.

Bà Lê Thị Bạch Tuyết là đối tượng người già, có đơn xin miễn, nên được miễn án phí, trả lại 200.000 đồng tại Biên lai số 000505 ngày 26/8/2013 cho bà T4.

[6]. Về chi phí tố tụng tại giai đoạn sơ thẩm, giữ nguyên như phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 09/2017/DSST ngày 17/02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

[7]. Về án phí phúc thẩm, do chấp nhận kháng cáo nên bà T không phải chịu án phí phúc thẩm, bà T4 là đối tượng người già nên được miễn, ông Th ông Th1 từ bỏ việc kháng cáo nên phải chịu mỗi người 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật, ông Th1 và ông Th đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001014; 001015 ngày 10/3/2017. Trả lại cho bà T4 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001016 ngày 10/3/2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

[8]. Về chi phí tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm: Tổng cộng chi phí 29.970.000 đồng, bao gồm chi phí định giá tài sản (02 lần) và chi phí xem xét thẩm định tại chỗ (02 lần), bà T đã nộp 28.270.000 đồng, ông Lê Hoài Th1 nộp 3.000.000 đồng, 31.270.000 đồng số tiền còn lại 1.300.000 đồng. Căn cứ theo quy định tại Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự phải chịu các khoản chi phí tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm theo tỉ lệ tương ứng với giá trị kỷ phần họ được chia thừa kế, cụ thể như sau: Bà T phải chịu 24.975.000 đồng, ông Th1, ông Th, bà T4 và ông S mỗi người phải chịu 1.248.750 đồng ông Th trả lại cho bà T 1.248.750 đồng, ông S trả bà T 746.250 đồng, ông Th1 nộp 3.000.000 đồng, bà T4 trả ông Th1 1.248.750 đồng, ông S trả lại cho ông Th1 502.500 đồng, số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ còn lại tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng 1.300.000 đồng trả lại cho bà T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 308 và khoản 2 Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bà Lê Thị Bạch T4, Lê Hoài Th1, ông Lê Đình Th và một phần nội dung kháng cáo của bà Lê Thị Mai T về việc yêu cầu chia lại các tài sản, vật dụng, đồ dùng thờ cúng là di sản của ông Đ1, bà B1 để lại.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị Mai T, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DSST ngày 17/02/2017, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Áp dụng:

- Điều 631, 645, 648, 652, 662, 667, 675, 676 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Chia di sản thừa kế theo di chúc và theo pháp luật” đối với di sản của ông Lê Đình Đ1 và bà Tôn Nữ Thị B1 để lại theo yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Mai T.

I. Về di sản, di chúc và hàng thừa kế:

1/ Công nhận di sản của ông Lê Đình Đ1 và bà Tôn Nữ Thị B1 để lại, có tổng giá trị là **12.691.551.960**, gồm:

- Nhà và đất tọa lạc tại số 106 Đường T1, phường T2, quận T3, thành phố Đà Nẵng có diện tích đất 93,90m², thuộc thửa đất số 479, tờ bản đồ số 7 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận QSHNƠ và QSDĐO số 60063 ngày 20/8/2002 đứng tên ông Lê Đình Đ1 và bà Tôn Nữ Thị B1 Giá trị nhà: **228.222.960** đồng; Giá trị đất: **12.386.349.000** đồng.

- Số tiền hoa lợi, lợi tức thu được từ di sản là số tiền cho thuê nhà **69.000.000đ**.

- Toàn bộ di sản là các tài sản, vật dụng trong nhà gồm: 02 tủ thờ gỗ; 01 tủ gỗ kính; 04 chân đèn bằng đồng; 04 lư hương bằng sứ; 01 tủ áo quần bằng gỗ; 01 giường gỗ; 01 bộ bàn ghế gỗ, các vật dụng này có giá trị: **7.980.000đ**.

2/ Công nhận di chúc của bà Tôn Nữ Thị B1 lập ngày 22/7/2008 là hợp pháp.

3/ Những người được hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Lê Đình Đ1 và bà Tôn Nữ Thị B1 gồm: Lê Thị Mai T, Lê Đình T5, Lê Hoài Tr, Lê Đình N, Lê Thị Sơn Trà, Lê Thị Bảo C, Lê Thị Bảo N1, Lê Đình Th, Lê Đình S, Lê Hoài Th1 và Lê Thị Bạch T4.

II. Xử:

1/Công nhận:

Bà Lê Thị Mai T được hưởng thừa kế theo di chúc, thừa kế theo pháp luật và nhận kỷ phần nhường thừa kế như sau:

- Giá trị di sản bà Lê Thị Mai T được hưởng theo di chúc của bà Tôn Nữ Thị B1 là: **6.874.590.645** đồng.

- Bà Lê Thị Mai T được hưởng thừa kế theo pháp luật của ông Lê Đình Đ1 01 kỷ phần có giá trị là **528.814.665** đồng và 06 kỷ phần do ông T5, ông Tr, ông N, bà Tr1, bà C, bà N1 tự nguyện nhường lại có giá trị là 528.814.665đ X 6 = **3.172.887.990** đồng.

Tổng giá trị di sản bà T được hưởng thừa kế theo di chúc, thừa kế theo pháp luật và 06 kỷ phần của các đồng thừa kế khác, có giá trị là: **10.576.293.300** đồng.

Ông Lê Đình Th, ông Lê Đình S, ông Lê Hoài Th1 và bà Lê Thị Bạch T4 mỗi người được hưởng một kỷ phần thừa kế theo pháp luật của ông Lê Đình Đ1 có giá trị **528.814.665** đồng.

2/ Về hiện vật:

Giao cho bà Lê Thị Mai T được nhận di sản bằng hiện vật là một phần nhà đất tại 106 Đường T1, phường T2, quận T3, thành phố Đà Nẵng (thuộc thửa đất số 479, tờ bản đồ số 7 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận QSHNƠ và QSDĐO số 60063 ngày 20/8/2002 đứng tên ông Lê Đình Đ1 và bà Tôn Nữ Thị B1). Trong đó phần diện tích đất là 57,70m², diện tích xây dựng gắn liền với đất là 137,3 m².Tứ cận nhà và đất:

+ Hướng Nam giáp đường T1, dài 5m.

- + Hướng Bắc giáp nhà bà Trương Thị T9, dài 5m.
- + Hướng Tây giáp nhà đất chia cho ông Lê Hoài Th1, dài 11,53m.
- + Hướng Đông giáp kiệt bê tông, dài 11,55m (có sơ đồ kèm theo).

- Giao cho ông Lê Hoài Th1 được nhận di sản bằng hiện vật là một phần nhà đất tại 106 Đường T1, phường T2, quận T3, thành phố Đà Nẵng (thuộc thửa đất số 479, tờ bản đồ số 7 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận QSHNO và QSDĐO số 60063 ngày 20/8/2002 đứng tên ông Lê Đình Đ1 và bà Tôn Nữ Thị B1). Trong đó phần diện tích đất là 36,2m², diện tích xây dựng gắn liền với đất là 85,4 m². Tứ cận nhà và đất:

- + Hướng Nam giáp đường T1, dài 3,17m.
- + Hướng Bắc giáp nhà bà Trương Thị T9, dài 3,11m.
- + Hướng Tây giáp nhà đất bà Hà Thị S1, dài 11,52m.
- + Hướng Đông nhà đất chia cho bà Lê Thị Mai T, dài 11,53m (có sơ đồ kèm theo).

3/. Về thời trả giá trị chênh lệch do nhận hiện vật: Ông Lê Hoài Th1 có trách nhiệm thời trả giá trị thừa kế cho ông Lê Đình Th, ông Lê Đình S, bà Lê Thị Bạch T4 mỗi người số tiền **528.814.665** đồng, thời trả cho bà Lê Thị Mai T số tiền **2.755.381.260** đồng.

4/. Về án phí án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị Mai T phải chịu: 118.576.293 đồng [112.000.000 đồng + (6.576.293.300 đồng x 0,1%)] nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 978.000 đồng tại Biên lai thu 004993 ngày 18/6/2012 của Chi cục thi hành án dân sự quận T3. Bà T còn phải nộp số tiền 117.598.293 đồng.

Ông Th1, ông Th, ông S, mỗi người phải chịu: 25.152.587 đồng [20.000.000 đồng + (128. 814.665đồng x 4%)]. Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng giữ lại tiền tạm ứng án phí mà ông Th1, ông Th, ông S đã nộp tại các biên lai số 000503, 000504, 000506 ngày 26/8/2013 để đảm bảo thi hành án.

Bà Lê Thị Bạch Tuyết là đối tượng người già, có đơn xin miễn, nên được miễn án phí, trả lại 200.000 đồng tại Biên lai số 000505 ngày 26/8/2013 cho bà T4.

5/. Về chi phí thẩm định giá tài sản tại giai đoạn sơ thẩm: Giữ nguyên như phần quyết định của Bản án sơ thẩm số 09/2017/DSST ngày 17/02/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

6/. Về án phí phúc thẩm:

+ Bà Lê Thị Mai T không phải chịu án phí phúc thẩm, do bà T còn phải nộp án phí nên giữ lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 001011 ngày 07/3/2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng để đảm bảo thi hành án

+ Ông Lê Đình Thôn và ông Lê Hoài Th1 phải chịu mỗi người 300.000 đồng ông Th1 và ông Th đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001014; 001015 ngày 10/3/2017. của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

+ Bà Lê Thị Bạch T4 được miễn án phí phúc thẩm, trả lại cho bà T4 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001016 ngày 10/3/2017 của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

7/. Về chi phí tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm:

Đã chi phí tổng cộng 29.970.000 đồng, bà T đã nộp 28.270.000 đồng, ông Lê Hoài Th1 nộp 3.000.000 đồng, tổng cộng nộp 31.270.000 đồng, số tiền còn lại 1.300.000 đồng.

Bà T phải chịu 24.975.000 đồng, bà T đã nộp 28.270.000 đồng vì vậy ông Th1, ông Th, bà T4 và ông S mỗi người phải chịu 1.248.750 đồng chi phí tố tụng. Ông Th trả lại cho bà T 1.248.750 đồng, ông S trả cho bà T 746.250 đồng.

Ông Th1 phải chịu 1.248.750 đồng, ông Th1 đã nộp 3.000.000 đồng, bà T4 trả lại cho ông Th1 1.248.750 đồng, ông S trả lại cho ông Th1 502.500 đồng.

Số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ còn lại tại Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng 1.300.000 đồng trả lại cho bà T.

Bà Lê Thị Mai T, ông Lê Hoài Th1 được quyền liên hệ với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để xác lập quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất theo quy định.

Kể từ ngày bên được thi hành yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành không thi hành thì hằng tháng còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND t/p Đà Nẵng;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND t/p Đà Nẵng;
- Cục THADS t/p Đà Nẵng;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; HS; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trương Công Thi